

NAMWERK · HƯỚNG DẪN THÔNG TIN

QUYỀN LAO ĐỘNG CỦA BẠN KHI HỌC NGHỀ TẠI ĐỨC

Deine wichtigsten Arbeitsrechte während der Ausbildung in Deutschland

Dành cho ai? | Für wen?

Tài liệu này dành cho học viên nghề từ 18 tuổi trở lên. Nội dung giải thích những quyền quan trọng nhất bằng ngôn ngữ đơn giản. Nếu bạn dưới 18 tuổi, có các quy định bảo vệ nghiêm ngặt hơn theo luật bảo vệ lao động thanh thiếu niên.

DEUTSCH KURZ

Für volljährige Auszubildende. Für Minderjährige gelten zusätzliche Schutzregeln.

Điều quan trọng nhất | Das Wichtigste

Bạn là học viên nghề (Auszubildende/Azubi), không phải lao động giá rẻ. Doanh nghiệp phải đào tạo bạn theo nghề đã ký trong hợp đồng. Bạn có quyền đi học nghề, được nghỉ, được trả lương đào tạo và được bảo vệ bởi pháp luật.

DEUTSCH KURZ

Ausbildung dient dem Lernen eines Berufs. Der Betrieb muss dich planmäßig ausbilden.

01

THỜI GIAN LÀM VIỆC ARBEITSZEIT

Thông thường: tối đa 8 giờ/ngày

Theo luật thời gian làm việc, thời gian làm việc thông thường không được vượt quá 8 giờ mỗi ngày làm việc. Có thể tăng lên tối đa 10 giờ, nhưng chỉ khi trong thời gian cân bằng theo luật, mức trung bình trở lại tối đa 8 giờ mỗi ngày làm việc.

DEUTSCH KURZ

Regelmäßig max. 8 Stunden werktäglich; bis 10 Stunden nur mit gesetzlichem Ausgleich.

Một tuần có thể là bao nhiêu giờ?

Luật tính “ngày làm việc” từ thứ Hai đến thứ Bảy. Vì vậy giới hạn pháp luật chung được tính khác với tuần làm việc 5 ngày trong nhiều hợp đồng. Đối với bạn, trước hết hãy xem số giờ đã thỏa thuận trong hợp đồng đào tạo hoặc thỏa ước tập thể. Không được hiểu rằng doanh nghiệp có thể bắt Azubi làm 60 giờ mỗi tuần thường xuyên.

DEUTSCH KURZ

Entscheidend ist auch die vertraglich vereinbarte Ausbildungszeit. 60 Stunden sind kein normaler Ausbildungsstandard.

Nghỉ giữa hai ngày làm việc

Sau khi kết thúc một ngày làm việc, về nguyên tắc bạn phải có ít nhất 11 giờ nghỉ liên tục trước khi bắt đầu ngày làm việc tiếp theo. Một số ngành có ngoại lệ đặc biệt và phải có thời gian bù.

DEUTSCH KURZ

Grundsätzlich mindestens 11 Stunden ununterbrochene Ruhezeit.

VÍ DỤ DỄ HIỂU

Nếu bạn kết thúc công việc lúc 20:00, theo quy tắc chung bạn không nên bắt đầu lại trước 07:00 sáng hôm sau.

02

GIỜ NGHỈ & LÀM THÊM PAUSEN & ÜBERSTUNDEN

Bạn được nghỉ bao lâu?

Làm tối đa 6 giờ	luật không bắt buộc nghỉ
Làm trên 6 đến 9 giờ	ít nhất 30 phút
Làm trên 9 giờ	ít nhất 45 phút

Thời gian nghỉ có thể chia thành các phần ít nhất 15 phút. Không được làm liên tục quá 6 giờ mà không nghỉ.

DEUTSCH KURZ

Mehr als 6 bis 9 Std.: 30 Min. Pause; mehr als 9 Std.: 45 Min.

Làm thêm giờ không được “mất”

Nếu bạn làm vượt quá thời gian đào tạo hằng ngày đã thỏa thuận, thời gian đó phải được trả thêm tiền hoặc bù bằng thời gian nghỉ tương ứng. Hợp đồng đào tạo cũng phải nêu cách xử lý làm thêm giờ.

DEUTSCH KURZ

Mehrarbeit über die vereinbarte regelmäßige Ausbildungszeit muss zusätzlich vergütet oder durch Freizeit ausgeglichen werden.

Ghi lại thời gian của bạn

Nếu bạn thường xuyên phải ở lại lâu hơn, hãy tự ghi ngày, giờ bắt đầu, giờ kết thúc, thời gian nghỉ và ai đã yêu cầu bạn làm thêm. Việc ghi chép giúp bạn trao đổi rõ ràng với doanh nghiệp hoặc cơ quan tư vấn.

Không phải việc gì cũng là nhiệm vụ của Azubi

Doanh nghiệp chỉ được giao cho bạn những công việc phục vụ mục tiêu đào tạo và phù hợp với khả năng thể chất. Bạn tất nhiên có thể làm các công việc phụ bình thường, nhưng không được sử dụng lâu dài chỉ để thay thế nhân viên.

DEUTSCH KURZ

Aufgaben müssen dem Ausbildungszweck dienen und körperlich angemessen sein.

03

TRƯỜNG NGHỀ BERUFSSCHULE

Bạn không phải xin phép để “bỏ học đi làm”. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tạo điều kiện để bạn tham gia trường nghề theo quy định.

Đi học nghề là thời gian đào tạo

Doanh nghiệp phải cho bạn nghỉ làm để tham gia trường nghề (Berufsschule), kỳ thi và một số hoạt động đào tạo bắt buộc. Thời gian học, thời gian nghỉ trong trường và trong một số trường hợp cả thời gian di chuyển cần thiết được tính vào thời gian đào tạo.

DEUTSCH KURZ

Berufsschule wird nach den gesetzlichen Regeln auf die Ausbildungszeit angerechnet.

Một ngày học dài

Một lần mỗi tuần, nếu một ngày học có hơn 5 tiết, mỗi tiết ít nhất 45 phút, doanh nghiệp phải cho bạn nghỉ khỏi công việc tại doanh nghiệp cho ngày đó theo quy định của BBiG.

DEUTSCH KURZ

Einmal pro Woche gilt ein Berufsschultag mit mehr als fünf Unterrichtsstunden als voller Ausbildungstag.

Trước kỳ thi cuối

Bạn được nghỉ vào ngày làm việc ngay trước kỳ thi tốt nghiệp viết. Thời gian này được tính theo thời gian đào tạo trung bình hằng ngày.

DEUTSCH KURZ

Freistellung am Arbeitstag unmittelbar vor der schriftlichen Abschlussprüfung.

04

NGHỈ PHÉP & ỐM URLAUB & KRANKHEIT

Nghỉ phép có lương

Luật quy định tối thiểu 24 ngày làm việc (Werktage) mỗi năm dựa trên tuần 6 ngày. Với lịch làm việc 5 ngày/tuần, mức tối thiểu tương đương thường là 20 ngày nghỉ. Hợp đồng hoặc thỏa ước tập thể có thể cho bạn nhiều ngày hơn.

DEUTSCH KURZ

Gesetzlicher Mindesturlaub: 24 Werktage bei 6-Tage-Woche, entsprechend 20 Arbeitstage bei 5-Tage-Woche.

Khi bạn bị ốm

Nếu bạn không thể làm việc vì bệnh, hãy báo cho doanh nghiệp ngay lập tức và làm theo quy định về giấy chứng nhận nghỉ ốm. Sau khi quan hệ đào tạo đã kéo dài liên tục 4 tuần, về nguyên tắc người sử dụng lao động tiếp tục trả tiền trong thời gian ốm tối đa 6 tuần cho một trường hợp bệnh theo điều kiện luật định.

DEUTSCH KURZ

Krankheit sofort melden. Entgeltfortzahlung grundsätzlich bis zu 6 Wochen; Anspruch entsteht nach 4 Wochen ununterbrochenem Beschäftigungsverhältnis.

Bị ốm trong kỳ nghỉ

Nếu bạn bị bệnh trong thời gian nghỉ phép và có chứng nhận y tế phù hợp, những ngày được xác nhận là không có khả năng lao động không được tính là ngày nghỉ phép.

DEUTSCH KURZ

Nachgewiesene Krankheitstage während des Urlaubs werden grundsätzlich nicht auf den Jahresurlaub angerechnet.

05

TIỀN LƯƠNG ĐÀO TẠO

AUSBILDUNGSVERGÜTUNG

Bạn có quyền được trả lương đào tạo

Doanh nghiệp phải trả cho bạn một khoản tiền lương đào tạo hợp lý (Ausbildungsvergütung). Mức lương thường tăng ít nhất mỗi năm đào tạo. Mức cụ thể phụ thuộc vào hợp đồng, ngành nghề và có thể phụ thuộc vào thỏa ước tập thể.

DEUTSCH KURZ

Die Ausbildungsvergütung muss angemessen sein und steigt grundsätzlich mit fortschreitender Ausbildung mindestens jährlich.

Khi nào tiền phải được trả?

Theo BBiG, tiền lương đào tạo của tháng hiện tại phải được trả chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng của tháng.

DEUTSCH KURZ

Fälligkeit spätestens am letzten Arbeitstag des laufenden Monats.

Ngày lễ

Nếu bạn đáng lẽ phải làm việc nhưng công việc bị hủy vì ngày lễ theo luật, về nguyên tắc bạn vẫn được trả khoản tiền mà bạn đã nhận nếu làm việc bình thường.

Dụng cụ đào tạo

Những phương tiện cần thiết cho đào tạo và thi, ví dụ dụng cụ, vật liệu và tài liệu chuyên môn cần thiết, phải được doanh nghiệp cung cấp miễn phí theo quy định của BBiG.

DEUTSCH KURZ

Erforderliche Ausbildungsmittel sind grundsätzlich kostenlos bereitzustellen. Gesetzliche Feiertage werden bei den gesetzlichen Voraussetzungen bezahlt.

06

THỬ VIỆC & CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG PROBEZEIT & KÜNDIGUNG

Thời gian thử việc

Mỗi hợp đồng đào tạo bắt đầu bằng thời gian thử việc. Theo BBiG, thời gian này phải ít nhất 1 tháng và tối đa 4 tháng. Trong thời gian thử việc, cả hai bên có thể chấm dứt hợp đồng bất cứ lúc nào mà không cần thời hạn báo trước.

DEUTSCH KURZ

Probezeit: mindestens 1, höchstens 4 Monate; Kündigung in dieser Zeit ohne Kündigungsfrist möglich.

Sau thời gian thử việc: bạn được bảo vệ tốt hơn

Sau thử việc, doanh nghiệp không thể đơn giản chấm dứt hợp đồng đào tạo như một việc làm bình thường. Doanh nghiệp chỉ có thể chấm dứt không cần thời hạn nếu có một lý do quan trọng. Việc chấm dứt phải bằng văn bản và nêu lý do theo luật.

DEUTSCH KURZ

Nach der Probezeit kann der Betrieb grundsätzlich nur aus wichtigem Grund fristlos kündigen.

Nếu chính bạn muốn nghỉ

Sau thử việc, bạn có thể chấm dứt với thời hạn 4 tuần nếu bạn muốn từ bỏ đào tạo nghề hoặc muốn chuyển sang đào tạo cho một nghề khác. Việc chấm dứt phải được thực hiện bằng văn bản.

DỪNG KÝ NGAY NẾU BẠN KHÔNG HIỂU

Nếu doanh nghiệp đưa cho bạn giấy chấm dứt, thỏa thuận chấm dứt (Aufhebungsvertrag), cảnh cáo (Abmahnung) hoặc tài liệu bạn không hiểu: hãy xin một bản sao và tìm tư vấn trước khi ký.

07

QUYỀN CỦA BẠN – VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BẠN

Doanh nghiệp phải...

- đào tạo bạn theo đúng mục tiêu nghề nghiệp;
- chỉ định người đào tạo phù hợp;
- cho phép bạn đi học nghề và thi;
- cung cấp phương tiện đào tạo cần thiết miễn phí;
- bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của bạn;
- cho bạn thời gian để làm sổ/nhật ký đào tạo tại nơi làm việc.

Bạn cũng phải...

- thực hiện nhiệm vụ đào tạo cẩn thận;
- tham gia trường nghề và các hoạt động đào tạo bắt buộc;
- tuân theo chỉ dẫn hợp pháp của người có thẩm quyền;
- tuân thủ nội quy và quy định an toàn;
- giữ gìn dụng cụ, máy móc;
- giữ bí mật kinh doanh;
- ghi chép sổ/nhật ký đào tạo.

DEUTSCH KURZ

Der Betrieb hat klare Ausbildungs- und Schutzpflichten. Auch Azubis haben Pflichten nach dem Berufsbildungsgesetz.

Nếu có vấn đề, bạn có thể tìm trợ giúp ở đâu?

Trước tiên có thể nói chuyện với người đào tạo, phòng nhân sự hoặc đại diện thanh niên/người lao động trong doanh nghiệp. Nếu vấn đề không được giải quyết, bạn có thể liên hệ cơ quan phụ trách đào tạo của nghề, ví dụ IHK hoặc Handwerkskammer (HWK), công đoàn hoặc một trung tâm tư vấn độc lập. Trong trường hợp nguy hiểm hoặc vi phạm nghiêm trọng, hãy tìm tư vấn pháp lý chuyên môn.

08

KIỂM TRA NHANH SCHNELL-CHECK

Hãy hỏi lại nếu...

- ☐ bạn thường xuyên phải làm hơn thời gian đã ký mà không được trả hoặc nghỉ bù;
- ☐ bạn làm hơn 6 giờ liên tục mà không được nghỉ;
- ☐ bạn không được đi trường nghề hoặc bị yêu cầu bỏ thi để đi làm;
- ☐ bạn chủ yếu chỉ làm việc không liên quan đến nghề đào tạo;
- ☐ tiền lương đào tạo thường xuyên đến muộn;
- ☐ bạn bị yêu cầu ký giấy tờ mà không được giải thích;
- ☐ bạn cảm thấy sức khỏe hoặc an toàn của mình bị đe dọa.

Cơ sở pháp lý chính | Wichtige Rechtsgrundlagen

Berufsbildungsgesetz (BBiG): đặc biệt §§ 14, 15, 17, 18, 20, 22

Arbeitszeitgesetz (ArbZG): đặc biệt §§ 3, 4, 5

Bundesurlaubsgesetz (BUrlG): đặc biệt §§ 1–5, 9

Entgeltfortzahlungsgesetz (EntgFG): đặc biệt §§ 2, 3, 5

Lưu ý: Tài liệu này giải thích các quy tắc quan trọng theo cách đơn giản và không thay thế tư vấn pháp lý. Hợp đồng, thỏa ước tập thể và quy định đặc biệt của ngành có thể mang lại quyền tốt hơn hoặc quy định chi tiết khác.